

A.KIẾN THỨC CƠ BẢN**I. ĐỌC - HIỂU****1. Truyện ngắn**

Nêu được ấn tượng chung về các văn bản đọc hiểu; nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, nhân vật, chi tiết, ngôi kể, ngôn ngữ,...) và nội dung (đề tài, chủ đề; ý nghĩa của văn bản; tư tưởng, tình cảm, thái độ của người kể chuyện;...) của truyện ngắn.

Cụ thể:

*** Đặc trưng**

- Quy mô: nhỏ;
- Bối cảnh: không gian nhỏ, thời gian nhất định;
- Nhân vật: thường ít nhân vật;
- Sự kiện: ít/đơn giản;
- Chi tiết: cô đúc;
- Cốt truyện: sự việc giản dị, đời thường mà giàu chất thơ.

*** Cách đọc hiểu**

- Tóm tắt truyện, chú ý các yếu tố: bối cảnh, nhân vật, sự kiện, chi tiết, đặc điểm cốt truyện.
- Xác định được nhân vật chính và phân tích các phương diện mà nhân vật được miêu tả như: ngoại hình, lời nói, hành động, mối quan hệ với các nhân vật khác, đặc biệt là tâm trạng, cảm xúc.
- Tìm hiểu một số yếu tố cơ bản để thấy rõ đặc điểm của truyện ngắn giàu chất thơ (nội dung, hình thức, ngôn ngữ).
- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản.
- Từ văn bản truyện ngắn liên hệ với bản thân và cuộc sống xung quanh để thấy được ý nghĩa của nó đối với cuộc sống, con người.

2. Thơ sáu chữ, bảy chữ

Nhận biết và phân tích được một số yếu tố hình thức của thơ sáu chữ, bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng; vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh; bố cục, mạch cảm xúc;...) và tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

Cụ thể:

*** Đặc trưng**

- **Thơ sáu chữ**: là một thể thơ mỗi dòng sáu chữ. Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 2/2/2; 3/3; 4/2; 4/2.
- **Thơ bảy chữ**: là một thể thơ mỗi dòng bảy chữ. Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 4/3 hoặc 3/4.
- Bài thơ sáu chữ, bảy chữ thường có nhiều vần. Vần thường là vần chân (chân liền hoặc chân cách).

*** Cách đọc hiểu**

- Đọc kỹ văn bản, xác định khổ thơ, vần thơ, nhịp thơ trong văn bản đó.
- Xác định nhân vật trữ tình. Bài thơ viết về ai và viết về điều gì?
- Xác định bố cục, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
- Nhận biết, nêu tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu trong bài thơ.
- Vận dụng trải nghiệm trong cuộc sống để đọc hiểu được nội dung, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.

- Kết nối ý nghĩa của văn bản để liên hệ với bản thân và cuộc sống.

3. Văn bản thông tin

Nhận biết được đặc điểm của văn bản thông tin giải thích một hiện tượng tự nhiên, cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản; liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.

Cụ thể:

**** Đặc trưng***

Văn bản thông tin giải thích các hiện tượng tự nhiên là loại văn bản có nội dung chính giới thiệu và giải thích hiện tượng có trong tự nhiên theo từng phương diện của hiện tượng và chủ yếu dùng phương thức biểu đạt chính thuyết minh.

**** Cách đọc hiểu***

- Nhận biết nhan đề của văn bản và những yếu tố được làm nổi bật trong văn bản.
- Dựa vào cách thức tổ chức thông tin, đọc lướt và phát hiện các thông tin chính nổi bật của văn bản.
- Quan sát các tranh ảnh, sơ đồ, biểu bảng... kết nối chúng với thông tin của văn bản, xem chúng có tác dụng như thế nào đối với việc thể hiện nội dung thông tin.
- Từ vấn đề được trình bày trong văn bản, liên hệ vận dụng với bản thân hoặc với thực tiễn đời sống.

4. Hài kịch và truyện cười

Nhận biết được một số yếu tố hình thức (xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng, ...) và nội dung (đề tài, chủ đề; ý nghĩa; tình cảm, thái độ của tác giả;...) của hài kịch và truyện cười.

Cụ thể:

**** Đặc trưng hài kịch***

- Khái niệm: là thể loại kịch dùng tiếng cười để châm biếm, đả kích, phê phán những thói hư tật xấu, cái lỗi bịch, lỗi thời,... trong đời sống.
- Các yếu tố đặc trưng:
 - + Xung đột: thường là sự mâu thuẫn giữa cái xấu (cái thấp hèn) với cái tốt (cái đẹp, cái cao cả)
 - + Nhân vật: thường có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động, lời nói và việc làm nên thường trở nên lỗi bịch, hài hước.
 - + Hành động: thường tương phản, mâu thuẫn với phẩm chất, tính cách nhân vật.
 - + Lời thoại: thường là ngôn ngữ hài hước, gây cười.
 - + Thủ pháp trào phúng: chủ yếu là nghệ thuật phóng đại (nói quá, cường điệu).

**** Kỹ năng đọc hiểu hài kịch***

- Tóm tắt nội dung văn bản (Văn bản kể lại sự việc gì? Sự việc ấy xảy ra trong bối cảnh nào? Cốt truyện có gì đặc biệt?..).
- Tìm hiểu một số đặc điểm của hài kịch qua các phương diện: xung đột, nhân vật, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng,... để hiểu được chủ đề, mục đích và ý nghĩa của tiếng cười phê phán trong văn bản.
- Liên hệ, kết nối với kinh nghiệm của bản thân để hiểu sâu hơn về nội dung văn bản.

**** Đặc trưng truyện cười***

- Khái niệm: Truyện cười là một thể loại truyện chứa đựng cái hài, dùng tiếng cười làm phương tiện chủ yếu để giải trí, mua vui hoặc châm biếm, đả kích, phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội. Có truyện cười dân gian và truyện cười hiện đại
- Các yếu tố đặc trưng:

- + Truyện cười thường ngắn gọn, cốt truyện đơn giản, ít nhân vật.
- + Nhân vật, ngôn ngữ và các thủ pháp trào phúng trong truyện cười cũng có những điểm giống như trong hài kịch.
- + Bối cảnh của truyện cười thường là các tình huống mâu thuẫn giữa thật và giả, nội dung và hình thức, bên trong và bên ngoài,...; kết thúc truyện cười thường bất ngờ.

*** *Kĩ năng đọc hiểu truyện cười***

- Nhận diện được nội dung bao quát của truyện cười, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu.
- Nhận biết được một số yếu tố hình thức của truyện cười và tìm hiểu được tác dụng được một số biện pháp nghệ thuật nổi bật trong truyện.
- Tìm hiểu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà truyện cười muốn gửi đến người đọc.
- Từ văn bản biết cách liên hệ với những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống.

5. Nghị luận xã hội

Nhận biết và xác định được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. Phân biệt được lí lẽ và bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.

Cụ thể:

*** *Đặc trưng***

- Nghị luận xã hội trung đại: Viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm, sử dụng lối văn biền ngẫu, từ ngữ trang trọng, uyên bác, giàu tính ước lệ, tượng trưng. Thường viết về những vấn đề mang tính chất quốc gia, chính trị.

*** *Cách đọc hiểu***

- Tìm hiểu bối cảnh lịch sử, thời đại ra đời của tác phẩm, các thông tin về tác giả có liên quan đến bài học. (Trả lời câu hỏi: Viết để làm gì? Đối tượng mà bài nghị luận hướng tới là ai? Người viết có vai trò, ảnh hưởng gì trong xã hội?)
- Tìm hiểu và phân tích được các yếu tố luận đề, luận điểm, lí lẽ, ý kiến đánh giá chủ quan và bằng chứng khách quan được tác giả triển khai trong bài.
- Tìm hiểu biện pháp nghệ thuật đặc sắc được tác giả sử dụng để làm nổi bật các vấn đề được trình bày trong bài nghị luận.
- Chú ý yếu tố biểu cảm được bộc lộ qua ngôn từ, giọng điệu lập luận, thể hiện quan điểm, tình cảm, thái độ của tác giả trước các vấn đề được đưa ra nhằm thuyết phục người đọc, người nghe.
- Liên hệ ý nghĩa của văn bản với bản thân, cuộc sống và thời đại.

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

- Nhận biết và sử dụng được trợ từ, thán từ.
- Nhận biết được sắc thái nghĩa của từ ngữ và hiệu quả lựa chọn từ ngữ.
- Nhận biết và giải thích được đặc điểm, chức năng của các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp; tác dụng của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.
- Nhận biết và sử dụng được nghĩa tường minh và hàm ẩn
- Nhận biết và sử dụng được từ Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ.
- Vận dụng các đơn vị kiến thức trên trong việc tạo lập đoạn văn, văn bản và trong giao tiếp.

III. VIẾT

1. Viết bài văn kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội

*** *Mở bài:*** Dẫn dắt, giới thiệu chuyến đi/hoạt động xã hội.

*** *Thân bài:***

- Nêu thông tin khái quát về chuyến đi/hoạt động xã hội: thời gian, địa điểm, mục đích, đơn vị tổ chức, người tham gia, ...

- Lần lượt kể lại tiến trình sự việc: bắt đầu, các hoạt động chính, kết thúc. Kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm.

+ SV1...

+ SV2...

- Nêu kết quả của hoạt động (giá trị vật chất, tinh thần mang lại).

* **Kết bài:** Khái quát cảm xúc, khẳng định ý nghĩa và bài học sau chuyến đi/hoạt động.

2. Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài (hoặc khổ thơ) thơ sáu chữ, bảy chữ.

- **Mở đoạn:**

+ Giới thiệu nhan đề bài thơ và tác giả; Cảm xúc chung về chủ đề, cảm xúc chủ đạo của tác phẩm.

+ Thể hiện được cảm xúc, ấn tượng chung về dòng/khổ/đoạn hay cả bài thơ...

- **Thân đoạn:**

+ Xác định dòng/khổ/đoạn hay cả bài thơ... để bộc lộ cảm xúc của mình.

+ Yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ, liên tưởng, tưởng tượng gì để từ đó nêu bật cái hay, đẹp của dòng/ khổ/đoạn hay cả bài thơ đã chọn và lí giải.

- **Kết đoạn:** Khái quát lại cảm xúc, suy nghĩ về dòng/khổ/đoạn hay cả bài thơ. Có thể liên hệ, mở rộng.

3. Viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên; Văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống.

Bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

- **Mở bài:** Giới thiệu hiện tượng tự nhiên

- **Thân bài:** làm rõ thông tin về:

+ Hiện tượng tự nhiên đó là gì?

+ Phân loại hiện tượng tự nhiên đó?

+ Nêu lợi ích và tác hại của hiện tượng tự nhiên.

- **Kết bài:**

+ Mở rộng, cập nhật các thông tin mới về hiện tượng đó.

+ Đề xuất giải pháp tận dụng lợi ích và khắc phục tác hại.

Văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống

- **Phần đầu**

+ Quốc hiệu, tiêu ngữ;

+ Địa điểm, thời gian viết;

+ Tên đơn kiến nghị;

+ Cá nhân, tổ chức nhận đơn kiến nghị;

+ Họ và tên, thông tin cá nhân, địa chỉ của người viết đơn kiến nghị

- **Phần nội dung**

+ Nội dung sự việc cụ thể.

+ Nguyên nhân/ lí do dẫn đến sự việc viết kiến nghị

+ Kiến nghị cụ thể.

- **Phần kết thúc**

+ Lời cam đoan, cảm ơn

+ Chữ kí, họ và tên người viết đơn kiến nghị

+ Tài liệu kèm theo (nếu có).

4. Viết được bài văn Nghị luận về một vấn đề của đời sống.

- **Mở bài**

- + Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận.
- + Đưa ra ý kiến khái quát về vấn đề nghị luận.

- Thân bài

- + Giải thích ngắn gọn vấn đề nghị luận.
- + Nêu các biểu hiện cụ thể; ví dụ tiêu biểu về vấn đề đó.
- + Đưa ra ý kiến đồng tình hay phản đối.
- + Lần lượt đưa ra các ý kiến theo trình tự hợp lí kết hợp với các lí lẽ, bằng chứng, phân tích bằng chứng để làm sáng tỏ, thuyết phục cho ý kiến.
- + Bàn luận, mở rộng vấn đề: những góc nhìn toàn diện hơn về vấn đề hoặc lật lại vấn đề.

- Kết bài

- + Khẳng định lại vấn đề nghị luận.
- + Đề xuất giải pháp/rút ra bài học nhận thức và hành động
- + Thông điệp

B. LUYỆN ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ 1:

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Vì sao có mưa đá, cách phòng tránh thế nào?

Mưa đá là một trong những hiện tượng thiên nhiên nguy hiểm nhất trên Trái Đất. Tại sao lại có mưa đá và có cách nào phòng tránh mưa đá không?

Mưa đá là gì?

Mưa đá là hiện tượng mưa dưới dạng hạt hoặc cục băng có hình dáng và kích thước khác nhau do đối lưu cực mạnh từ các đám mây dông gây ra. Kích thước có thể từ 5 mm đến hàng chục cm, thường cỡ khoảng một vài cm, có dạng hình cầu không cân đối. Những hạt mưa đá thường rơi xuống cùng với mưa rào.

Mưa đá thường xảy ra ở vùng núi hay khu vực giáp biển, giáp núi (bán sơn địa), còn vùng đồng bằng ít xảy ra hơn. Vì vậy ở Việt Nam mưa đá có thể xảy ra ở khắp các vùng miền và cả trong mùa hè. Riêng ở vùng núi phía bắc Việt Nam, từ tháng 1 đến tháng 5 hàng năm thường có mưa đá, nhiều nhất là từ tháng 3 đến tháng 5.

Tại sao có mưa đá?

Các chuyên gia khí tượng cho biết, mưa đá xảy ra do sự bất ổn định trong không khí giữa luồng khí hậu lạnh và nóng gặp nhau. Khi các đám mây gần mặt đất được các luồng không khí bốc lên cao thì phần trên của mây thường ở nhiệt độ dưới -20 độ C, khiến cho rất nhiều hơi nước trong mây biến thành những hạt băng nhỏ.

Nhưng tầng mây ở dưới thấp hơn, do nhiều nguyên nhân không thể ngưng kết thành băng, lại biến thành các giọt nước có độ lạnh dưới 0 độ C. Các luồng không khí không ngừng bốc lên cao sẽ đưa một khối lượng lớn các giọt nước lạnh này lên tầng trên của đám mây.

Ngay sau đó, chúng đông kết với các hạt băng đang tồn tại ở tầng trên, làm cho thể tích của các hạt băng càng ngày càng lớn hơn, khi trọng lượng tăng đến mức độ nhất định nào đó chúng sẽ rơi xuống.

Khi rơi xuống tầng mây thấp, mặt ngoài của băng lại được bao bọc thêm một lớp màng nước, đồng thời lại bị các luồng nước khi mạnh, khi yếu đang không ngừng bốc lên cao tác động vào. Càng bị các luồng khí tác động lâu thì lớp "áo nước" của băng thể càng va chạm liên tục, dẫn đến dính chặt lẫn nhau, khiến thể tích của băng thể càng lớn hơn. Đến lúc này, các luồng khí không còn có thể "tung hứng" các băng thể được nữa, đành để chúng rơi xuống mặt đất, gây ra những trận mưa đá. Mưa đá thường kết thúc rất nhanh trong vòng 5 -10 phút và cũng có thể kéo dài từ 20 - 30 phút.[...]

Cách phòng tránh tác hại của mưa đá

Việc dự báo mưa đá và khu vực chính xác sẽ có mưa đá là rất khó. Người dân ở các khu vực hay có mưa đá cần thường xuyên theo dõi thông tin thời tiết để sớm biết có khả năng xảy ra mưa đá và luôn chuẩn bị sẵn các phương án trú, tránh an toàn cho người, vật nuôi và hạn chế tác hại của mưa đá đối với các vật dụng, đồ dùng, máy móc,...nếu nó xảy ra.

Với cây trồng hoặc hoa màu dễ bị nát dập, bạn có thể dựng giàn che dọc theo luống, và nên làm giàn dạng mái hình tam giác sẽ giúp giảm tác động của hạt mưa đá khi va chạm, đá sẽ rơi xuống hai bên luống cây mà không đâm thủng giàn che, chú ý dựng cọc chống phải chắc chắn.

Với mái nhà, cần thường xuyên kiểm tra tình trạng của mái nhà và gia cố lại mái. Ở những chỗ trọng yếu nên sử dụng các vật liệu có thể chống chịu với va đập. Hiện trên thị trường có loại vật liệu là tấm Polycarbonate rất bền, có khả năng chịu va đập cao, cách âm, kháng cháy và bền trong nhiều năm trong điều kiện môi trường và thời tiết khắc nghiệt, không bị vỡ, trọng lượng nhẹ và kháng tia tử ngoại (tia UV) tốt. Tấm Polycarbonate dày hoặc đa lớp thậm chí có thể được dùng làm cửa sổ chống đạn. Có thể trang bị vật liệu này ở các phần mái lấy sáng, mái che, mái hiên, mái nhà kính, giếng trời, mái nhà xe... để tránh bị vỡ khi có mưa đá.

Làm mái nhà dốc xuống hai bên, cách dựng mái nhà này sẽ làm giảm lực tác động từ mưa đá. Mưa đá va vào mái nhà ở một góc độ 90 độ sẽ gây ra thiệt hại nhiều hơn mưa đá rơi xuống mái nhà theo một góc lệch.

Nếu đang đi ngoài đường mà gặp mưa đá, bạn nên lập tức dừng lại tìm chỗ ẩn, đội mũ bảo hiểm để tránh đá rơi vào đầu, chờ đá trên đường tan hết mới tiếp tục đi để tránh trơn ngã.

(Theo 1001 thắc mắc: *Vì sao có mưa đá? Cách phòng tránh thế nào?*, <https://www.tienphong.vn/>, ngày 24/03/2020, Châu Anh tổng hợp)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên:

- | | |
|----------------|--------------|
| A. Thuyết minh | B. Tự sự |
| C. Miêu tả | D. Nghị luận |

Câu 2: Mục đích chính của văn bản trên là gì?

- A. Giới thiệu mưa đá là một trong những hiện tượng thiên nhiên nguy hiểm nhất trên Trái Đất.
- B. Giải thích hiện tượng mưa đá và đưa ra một số cách phòng tránh về tác hại của mưa đá.
- C. Giới thiệu để người dân nhận biết hiện tượng mưa đá và phòng tránh nó.
- D. Cung cấp cho người đọc những thông tin khoa học, thú vị.

Câu 3: Câu văn nào sau đây nêu lên vấn đề chính được giải thích trong văn bản

- A. Mưa đá là một trong những hiện tượng thiên nhiên nguy hiểm nhất trên Trái Đất.
- B. Tại sao lại có mưa đá và có cách nào phòng tránh mưa đá không?

C. Mưa đá thường xảy ra ở vùng núi hay khu vực giáp biển, giáp núi (bán sơn địa), còn vùng đồng bằng ít xảy ra hơn.

D. Việc dự báo mưa đá và khu vực chính xác sẽ có mưa đá là rất khó.

Câu 4: Câu văn nào giải thích khái quát về nguyên nhân tạo ra mưa đá:

A. Những hạt mưa đá thường rơi xuống cùng với mưa rào.

B. Các chuyên gia khí tượng cho biết, mưa đá xảy ra do sự bất ổn định trong không khí giữa luồng khí hậu lạnh và nóng gặp nhau.

C. Việc dự báo mưa đá và khu vực chính xác sẽ có mưa đá là rất khó.

D. Mưa đá va vào mái nhà ở một góc độ 90 độ sẽ gây ra thiệt hại nhiều hơn mưa đá rơi xuống mái nhà theo một góc lệch.

Câu 5: Đoạn văn: “Mưa đá là hiện tượng mưa dưới dạng hạt hoặc cục băng có hình dáng và kích thước khác nhau [...] thường rơi xuống cùng với mưa rào.” trong văn bản trên được trình bày theo cách nào?

A. Diễn dịch

B. Quy nạp

C. Song song

D. Phối hợp

Câu 6: Xác định thông tin cơ bản của văn bản:

A. Mưa đá là gì?

B. Tại sao có mưa đá?

C. Cách phòng tránh tác hại của mưa đá

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 7: Văn bản đã sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ nào:

A. Sơ đồ chỉ dẫn

B. Kí hiệu

C. Biểu đồ

D. Hình ảnh minh họa

Câu 8: Việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong VB trên có tác dụng:

A. Biểu đạt mối quan hệ giữa các thông tin

B. Giúp trình bày thông tin một cách hệ thống

C. Cung cấp những thông tin cụ thể, chính xác

D. Làm tăng tính hấp dẫn và trực quan của thông tin, giúp người đọc dễ tiếp nhận thông tin.

Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:

Câu 9: Theo em, thông tin mà văn bản cung cấp có ý nghĩa như thế nào với độc giả?

Câu 10: Không chỉ mưa đá mà các hiện tượng thời tiết cực đoan khác đều có tác động tiêu cực tới tính mạng, sức khỏe và tài sản con người. Bằng những hiểu biết của bản thân, em hãy đưa ra một số biện pháp để hạn chế các hiện tượng thời tiết cực đoan này.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Trường em tổ chức tuần lễ “Nhà khoa học tương lai” để học sinh tìm hiểu về những bí ẩn của thế giới tự nhiên. Em hãy viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên mà bản thân quan tâm để tham gia tuần lễ này

ĐỀ 2:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

HAI KIỂU ÁO

Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luôn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi:

- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ?

Quan lớn ngạc nhiên:

- Nhà người biết để làm gì?

Người thợ may đáp:

- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.

Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo:

- Thế thì nhà người may cho ta cả hai kiểu.

(Theo Trường Chính - Phong Châu)

Câu 1 (0.5 điểm). Truyện “Hai kiểu áo” thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

Câu 2 (0.5 điểm): Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

Câu 3 (0.5 điểm): Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai
C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 4 (0.5 điểm). Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

A. Mua vui, giải trí.
B. Phê phán sự coi thường của người dân đối với quan.
C. Phê phán thói hư, tật xấu của quan lại.
D. Phê phán thói keo kiệt, bủn xỉn của quan.

Câu 5 (0.5 điểm): Em hiểu thế nào về nghĩa của từ “hách dịch”?

A. Thể hiện thái độ hòa nhã, coi trọng của cấp dưới đối với cấp trên.
B. Thể hiện thái độ ưu ái, quan tâm đến của cấp trên đối với cấp dưới.
C. Thể hiện thái độ ra oai, hách sách người khác do cậy mình có quyền thế.
D. Thể hiện thái độ nhân nhượng của cấp trên đối với cấp dưới.

Câu 6 (0.5 điểm): Nội dung nghĩa hàm ẩn trong câu “... Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.” là gì?

A. Khi gặp quan trên, ngài sẽ luôn cúi, nên vạt trước chùng lại
B. Khi gặp dân, vị quan này là người vênh váo, hách dịch nên vạt trước sẽ hót lên.
C. Vị quan là người hai mặt, trên thì nịnh hót, dưới thì chèn ép.
D. Cả A và B

Câu 7 (0.5 điểm): Chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?

A. Có ý nịnh nọt quan để được thưởng.
B. Có ý để quan may thêm một cái áo nữa.
C. Thể hiện thái độ kính trọng đối với quan.
D. Có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên.

Câu 8 (0.5 điểm): Viên quan trong câu chuyện là người như thế nào?

A. Tính cách hèn hạ đối với cấp trên và hách dịch đối với kẻ dưới.
B. Đối xử không công bằng với kẻ dưới.
C. Hay nịnh nọt cấp trên.
D. Khinh ghét người nghèo khổ.

Câu 9 (1 điểm): Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

Câu 10 (1 điểm): Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?

II. VIẾT. (4,0 điểm)

Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về tình yêu thương trong cuộc sống.

ĐỀ 3:

* Đề 1:

I. Phần đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Bàn luận về phép học

(Nguyễn Thiếp)

(1) “Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo”. Đạo là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy. Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền⁽¹⁾. Người ta đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương⁽²⁾, ngũ thường⁽³⁾. Chúa tầm thường, thần nịnh hót. Nước mất, nhà tan đều do những điều tệ hại ấy.

(2) Cúi xin từ nay ban chiếu thư cho thầy trò trường học của phủ, huyện, các trường tư, con cháu các nhà văn võ, thuộc lại ở các trấn cự triều⁽⁴⁾, đều tùy đâu tiện đấy mà đi học.

(3) Phép dạy, nhất định theo Chu Tử⁽⁵⁾. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến tứ thư⁽⁶⁾, ngũ kinh⁽⁷⁾, chư sử⁽⁸⁾. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua.

Đạo học thành thì người tốt nhiều; người tốt nhiều thì triều đình ngay ngắn mà thiên hạ thịnh trị.

Đó là mấy điều, thành thật xin dâng. Chẳng quản lời nói vu vơ, cúi mong Hoàng thượng soi xét.

Kẻ hèn thần cung kính tâu trình.

(Theo La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn, tập II, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998)

Câu 1. Phương án nào sau đây trả lời đúng cho câu hỏi: Vì sao bài viết “Bàn về phép học” là văn bản nghị luận?

- A. Nhấn mạnh mục đích, vai trò và phương pháp học.
- B. Ca ngợi việc học và hiểu rộng biết nhiều kiến thức.
- C. Nêu ý kiến về việc học và dùng lý lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc.
- D. Rút ra bài học có ý nghĩa quan trọng đối với những người theo việc học.

Câu 2: Các “phép học” mà Nguyễn Thiếp bàn luận đến trong bài tấu của mình là những phép nào?

- (1). Học tuần tự từ những điều đơn giản tới những điều phức tạp.
- (2). Học rộng rồi nắm gọn những vấn đề cơ bản.
- (3). Học phải áp dụng vào thực tế, học đi đôi với hành.
- (4). Học phải kết hợp với việc nghiên cứu sâu rộng vấn đề.

- A. 1,2,3
- B. 2,3,4
- C. 1,2,4
- D. 1,3,4

Câu 3. Tác giả quan niệm như thế nào về mục đích chân chính của việc học?

¹ Thất truyền: bị mất đi, không được truyền lại cho đời sau.

² Tam cương: ba mối quan hệ gốc trong xã hội phong kiến là quân thần (vua tôi), phụ tử (cha con), phu phụ (chồng vợ).

³ Ngũ thường: năm đức tính của con người là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

⁴ Cự triều: triều vua cũ, ở đây chỉ nhà Lê.

⁵ Chu Tử: Chu Hi (1130 – 1200), nhà nho nổi tiếng đồng thời là nhà triết học, nhà giáo dục học thời Nam Tống.

⁶ Tứ thư: bốn quyển sách tiêu biểu của Nho giáo: Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học, Trung dung.

⁷ Ngũ kinh: năm bộ sách kinh điển của Nho giáo: Kinh Dịch, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu.

⁸ Chư sử: các cuốn sách sử có tiếng đời xưa (chư: từ chỉ số nhiều như trong chư vị, chư khách, ...).

- A. Học để trở thành người tài giỏi.
- B. Học để trở thành người biết rõ đạo.
- C. Học để làm cho đất nước hưng thịnh.
- D. Học để có cơ hội phát triển bản thân.

Câu 4: Dòng nào giải thích chính xác nghĩa của từ “cung kính”?

- A. Tỏ thái độ đánh giá cao và cho là không được vi phạm hoặc xúc phạm đến
- B. Coi trọng, do thừa nhận có giá trị cao
- C. Tỏ ra hết sức kính trọng bằng điệu bộ, cử chỉ, nét mặt
- D. Tỏ ra hết sức đứng đắn, biểu thị thái độ tôn kính

Câu 5: Ý nào nói đúng nhất trình tự lập luận của tác giả trong bài viết?

- A. Mục đích việc học - Thực trạng việc học - Chính sách khuyến khích học - Phương pháp học.
- B. Thực trạng việc học - Mục đích việc học - Chính sách khuyến khích học - Phương pháp học.
- C. Phương pháp học - Thực trạng việc học - Mục đích việc học - Chính sách khuyến khích học.
- D. Mục đích việc học - Thực trạng việc học - Phương pháp học - Chính sách khuyến khích học.

Câu 6. Cụm từ nào sau đây nêu đúng tình cảm, thái độ của tác giả được thể hiện trong bài viết?

- A. Buồn chán, bi quan
- B. Lạnh lùng, nghiêm khắc
- C. Tích cực, lạc quan
- D. Thẳng thắn, tâm huyết

Câu 7: Ghép đúng cột A với cột B

A	Ghép	B
(1) ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết		a. Người ta đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương, ngũ thường.
(2) lí lẽ, bằng chứng khách quan		b. Kẻ hèn thân cung kính tấu trình.
		c. “Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo”.

Câu 8. Từ tình cảm, thái độ được thể hiện trong bài viết, hãy nêu cảm nhận của em về tác giả Nguyễn Thiếp.

Câu 9. Trong các phương pháp học mà tác giả nêu ra trong bài viết, em thích nhất phương pháp học tập nào? Vì sao? (trả lời trong khoảng 8-10 dòng).

II. Phần viết: 4,0 điểm

Từ văn bản “*Bàn về phép học*”, hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về tầm quan trọng của việc học tri thức trong nhà trường đối với thế hệ trẻ hôm nay.

Chúc các con làm bài đạt kết quả cao!

